

## BÁO CÁO CẬP NHẬT NGẮN KQKD Q3/2024

CTCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA | IDI (HOSE)

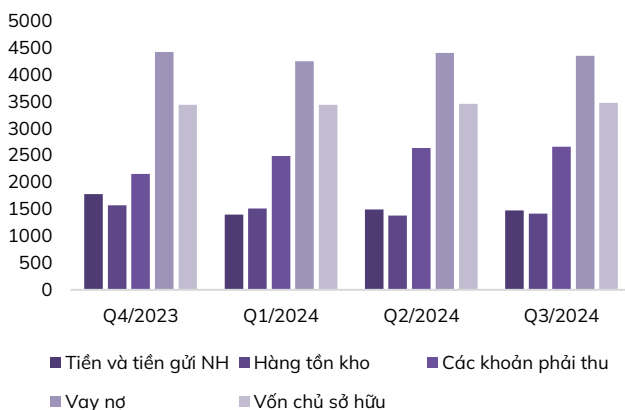
Ngày 01/06/2025

Analyst: Kiều Thị Thanh Thư

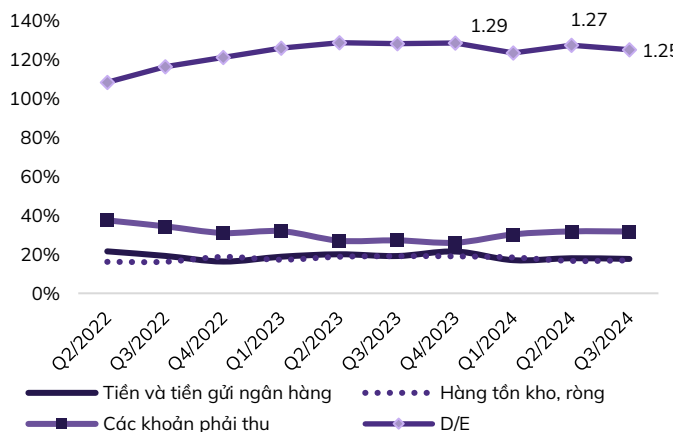
Kết quả kinh doanh tóm tắt	Q3/2024	Q3/2023	%svck	9T2024	9T2023	%svck	Nhận xét
<b>Doanh thu thuần</b>	1,881	1,749	7.6%	5,449	5,338	2.1%	Doanh thu thuần Q3/2024 đạt 1.881 tỷ đồng (+7,6% svck), lũy kế 9T đạt 5.449 tỷ đồng (+2,1% svck). Doanh thu thuần Q3/2024 tăng nhờ tăng trưởng trong mảng bột cá, mỡ cá (+11,2% svck), thức ăn chăn nuôi (+46,6% svck) và dịch vụ (+18,2% svck), trong khi đó mảng thành phẩm cá tra lại sụt giảm 7,9% svck.
- Hàng hóa, thành phẩm cá tra	708	769	-7.9%	2038	2218	-8.1%	
- Bột cá, mỡ cá	803	722	11.2%	2251	2064	9.1%	
- Thức ăn chăn nuôi	362	247	46.6%	1125	1010	11.4%	
- Dịch vụ	13	11	18.2%	41	48	-14.6%	
<b>Lợi nhuận gộp</b>	155	111	40.2%	433	410	5.5%	Lợi nhuận gộp Q3/2024 đạt 155 tỷ đồng (+40,2% svck), lũy kế 9T LN gộp đạt 433 tỷ đồng (+5,5% svck)
<b>Biên lợi nhuận gộp (%)</b>	8.3%	6.3%		7.9%	7.7%		Trong Q3/2024, mảng thành phẩm cá tra và thức ăn chăn nuôi có biên lợi nhuận tốt hơn hẳn so với Q3/2023, trong khi biên lợi nhuận của mảng bột cá, mỡ cá giảm nhẹ, nhờ vậy biên lợi nhuận Q3/2024 đạt 8,3%, tăng 2% so với Q3/2023. Tính chung 9T, biên LN mảng TACN đóng góp chính vào sự gia tăng biên LNG, các mảng còn lại đều giảm svck.
<b>Chi phí bán hàng</b>	(51)	(29)	75.2%	(137)	(98)	40.1%	Chi phí vận chuyển góp phần lớn vào sự gia tăng của chi phí bán hàng. Trong Q3/2024, chi phí vận chuyển tăng mạnh lên 31 tỷ đồng (+113,6% svck), lũy kế 9T chi phí vận chuyển ghi nhận 81 tỷ (+61,6% svck)
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	(19)	(20)	-4.5%	(61)	(65)	-6.2%	Chi phí QLDN trong Q3/2024 và lũy kế 9T2024 đều giảm svck
<b>Chi phí BH&amp;QLDN/DTT</b>	-3.7%	-2.8%		-3.6%	-3.0%		
<b>Doanh thu hoạt động tài chính</b>	22	57	-61.8%	91	127	-28.2%	Doanh thu HĐTC giảm mạnh 61,8% trong Q3/2024 chủ yếu đến từ việc lãi suất giảm khiến lãi tiền gửi của công ty sụt giảm mạnh, và năm nay công ty không ghi nhận khoản lãi từ cổ tức, lợi nhuận 11 tỷ đồng như Q3 năm ngoái
<b>Chi phí tài chính</b>	(78)	(89)	-12.3%	(250)	(292)	-14.4%	Chi phí tài chính giảm cũng chủ yếu do chi phí lãi vay giảm nhờ lãi suất giảm mạnh svck năm ngoái, trong khi dư nợ vay của công ty không có nhiều thay đổi
<b>Trong đó: Chi phí lãi vay</b>	(67)	(83)	-19.1%	(214)	(269)	-20.5%	Chi phí lãi vay giảm 16 tỷ đồng (-19,1% svck) trong Q3/2024, lũy kế cả năm lãi vay giảm 55 tỷ đồng (-20,5%)
<b>Lãi/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh</b>	29	30	-3.1%	76	82	-7.3%	
<b>Lãi/(lỗ) ròng trước thuế</b>	29	28	1.2%	77	80	-4.3%	
<b>LNST cổ đông công ty mẹ</b>	15	19	-23.3%	45	56	-19.8%	LNST của cổ đông công ty mẹ đạt 15 tỷ trong Q3/2024, giảm 23,3% svck dù LN gộp tăng mạnh do sự gia tăng của chi phí vận chuyển và sự sụt giảm của doanh thu HĐTC. Lũy kế 9T, LNST của cổ đông công ty mẹ đạt 45 tỷ đồng, giảm 19,8% svck
<b>Biên lợi nhuận ròng (%)</b>	0.8%	1.1%		0.8%	1.0%		

Nguồn: IDI, ABS Research

Bảng tài sản, nguồn vốn: các hạng mục chính

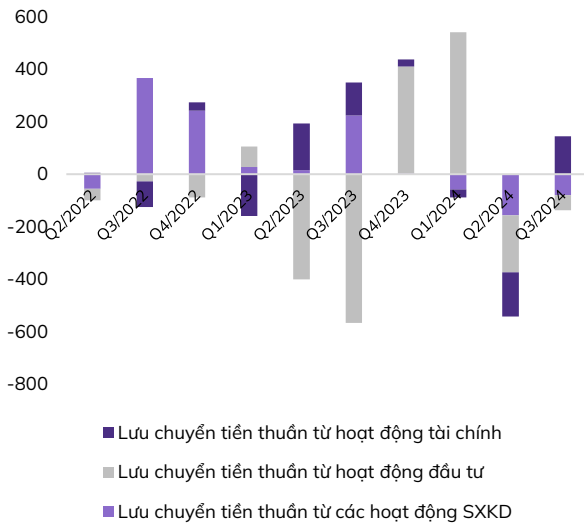


Bảng tài sản: Tỷ trọng các hạng mục so với Tổng tài sản (%)



Nguồn: IDI, ABS Research

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ đồng)



Nhận xét

- **Tổng tài sản** Q3/2024 đạt 8.368 tỷ đồng, tăng nhẹ 1,1% sv đầu năm.
- **Tiền và tiền gửi ngắn hạn** giảm nhưng vẫn dồi dào. Lượng tiền đạt 1.476 tỷ đồng, giảm 16,9% sv đầu năm, chiếm 17,6% TTS.
- **Hàng tồn kho** Q3/2024 đạt 1.414 tỷ đồng, giảm 10% so với đầu năm, chiếm 16,9% TTS.
- **Các khoản phải thu** tăng mạnh so với đầu năm, đạt 2.655 tỷ đồng (+23,4% sv đầu năm), chiếm 31,7% TTS. Công ty đang phải linh hoạt chính sách phải thu hỗ trợ khách hàng để bán được hàng.
- **Vay nợ** giảm nhưng vẫn ở mức cao. Dư nợ vay giảm nhẹ 1,6% so với đầu năm, đạt 4.345 tỷ đồng, trong đó vay dài hạn giảm 89 tỷ (-27,3%) còn vay nợ ngắn hạn tăng nhẹ 0,4%. Cơ cấu vay nợ chủ yếu là vay ngắn hạn, chiếm 94,5% tổng vay nợ. Vốn chủ sở hữu của công ty tăng 1% khiến D/E giảm từ 1,29x đầu năm xuống còn 1,25x Q3/2024 nhưng vẫn ở mức cao, áp lực trả nợ và lãi vay của công ty lớn.
- Ngày 15/7/2024 vừa qua, công ty trả cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 20%
- **Dòng tiền thuần từ HĐ SXKD** âm kể từ đầu năm 2024, tuy nhiên công ty hạn chế vay nợ thêm mà dùng tiền từ thu hồi các khoản đầu tư cũng như giảm tiền mặt nắm giữ để tài trợ cho HĐKD.

Nguồn: IDI, ABS Research

### Đánh giá và Khuyến nghị

- Lũy kế 9T2024, LNST cổ đồng công ty mẹ đạt 45 tỷ đồng, thấp hơn nhiều so với dự phóng trước đó của chúng tôi. Do ảnh hưởng của chi phí vận chuyển tăng cao và chưa có dấu hiệu suy giảm, chúng tôi giảm dự phóng LNST cổ đồng công ty mẹ của IDI trong năm 2024F xuống còn 70 tỷ đồng. EPS và BVPS 2024F ước tính là 284 đ/cp và 12.770 đ/cp.

PHỤ LỤC MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHÍNH CỦA IDI

Báo cáo KQ HĐKD (Tỷ đồng)	2020	2021	2022	2023
<b>Doanh thu thuần</b>	6367	5719	7931	7221
Giá vốn hàng bán	-5909	-5208	-6836	-6697
<b>Lợi nhuận gộp</b>	457	511	1095	525
Doanh thu tài chính	133	96	167	218
Chi phí tài chính	-288	-237	-308	-412
Chi phí bán hàng	-141	-172	-308	-132
Chi phí QLDN	-40	-38	-61	-90
<b>Lợi nhuận từ HĐKD</b>	121	159	586	109
Lãi/lỗ khác	0	22	32	-2
Lợi nhuận trước thuế	121	181	618	107
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	107	143	563	73
<b>LNST cổ đông Công ty mẹ</b>	96	137	547	58

Báo cáo LCTT (Tỷ đồng)	2020	2021	2022	2023
LCT thuần từ HĐKD	-31	255	530	173
LCT thuần từ Hoạt động đầu tư	-300	-81	-59	-41
LCT thuần từ Hoạt động tài chính	292	-356	-223	340
<b>LCT thuần trong kỳ</b>	-40	-182	248	472
Tiến & tương đương tiền đầu kỳ	581	539	388	641
<b>Tiến &amp; tương đương tiền cuối kỳ</b>	541	357	641	1112

Chỉ số tài chính	2020	2021	2022	2023
<b>Khả năng thanh toán</b>				
Khả năng thanh toán hiện hành	1,3	1,3	1,2	1,2
Khả năng thanh toán nhanh	0,7	0,7	0,7	0,7
Khả năng thanh toán tiền mặt	0,1	0,1	0,1	0,2
Khả năng thanh toán lãi vay	1,0	1,3	3,1	0,8
<b>Cơ cấu vốn</b>				
Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản	0,4	0,4	0,4	0,4
Nợ phải trả/Tổng tài sản	0,6	0,6	0,6	0,6
Nợ vay/Vốn chủ sở hữu (D/E)	1,4	1,3	1,2	1,3

Chỉ số hiệu suất hoạt động	2020	2021	2022	2023
Số ngày phải thu	81	90	64	68
Số ngày phải trả	20	16	16	16
Số ngày tồn kho	92	99	75	85
<b>Khả năng sinh lời</b>				
Tỷ suất lợi nhuận gộp	7,2%	8,9%	13,8%	7,3%
Tỷ suất lợi nhuận HĐKD	4,3%	5,3%	9,2%	4,2%
Tỷ suất LNST của cổ đông Công ty mẹ	1,5%	2,4%	6,9%	0,8%
ROE	3,4%	4,7%	17,7%	1,8%
ROA	1,3%	1,8%	7,0%	0,7%
ROIC	0,5%	0,9%	1,0%	1,4%

Bảng cân đối kế toán (Tỷ đồng)	2020	2021	2022	2023
+ Tiền và các khoản tương đương tiền	539	357	641	1112
+ Đầu tư ngắn hạn	891	1167	681	664
+ Các khoản phải thu ngắn hạn	2446	2670	2550	2151
+ Hàng tồn kho	1508	1279	1535	1572
+ Tài sản ngắn hạn khác	42	42	43	38
<b>Tài sản ngắn hạn</b>	5427	5515	5450	5537
+ Các khoản phải thu dài hạn	27	23	355	461
+ Tài sản cố định	1175	1087	1000	909
+ Bất động sản đầu tư	134	137	262	253
+ Tài sản dở dang dài hạn	640	673	585	575
+ Đầu tư dài hạn	297	111	113	249
+ Tài sản dài hạn khác	13	7	320	293
<b>Tài sản dài hạn</b>	2287	2039	2634	2740

<b>Tổng Tài sản</b>	7714	7554	8084	8277
+ Vay ngắn hạn	3810	3645	3881	4090
+ Phải trả người bán	220	243	375	216
+ Nợ ngắn hạn khác	236	228	268	223
<b>Nợ ngắn hạn</b>	4266	4116	4524	4530
+ Vay dài hạn	449	295	193	326
+ Các khoản phải trả dài hạn khác	0	0	0	0
<b>Nợ dài hạn</b>	449	295	193	326
<b>Tổng nợ phải trả</b>	4715	4411	4718	4856
+ Vốn cổ phần	2276	2276	2276	2276
+ Thặng dư vốn cổ phần	17	17	17	17
+ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	438	560	621	658
+ Quỹ khác	261	282	441	460
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	2992	3135	3356	3411
<b>Tổng cộng nguồn vốn</b>	7714	7554	8084	8277

Tỷ lệ tăng trưởng (%)	2020	2021	2022	2023
Tăng trưởng doanh thu	17,7%	10,2%	38,7%	-8,9%
Tăng trưởng LNNT	65,7%	49,5%	241,2%	82,7%
Tăng trưởng LNST Cổ đông Công ty mẹ	69,4%	42,5%	300,6%	89,4%
Tăng trưởng EPS	69,6%	43,4%	-46,3%	25,6%
Tăng trưởng VCSH	0,0%	0,0%	0,0%	0,0%
Tăng trưởng Tổng tài sản	2,9%	-2,1%	7,0%	2,4%

Định giá (lần)	2020	2021	2022	2023
P/E	30,2	21,4	35,1	35,9
P/B	1,0	1,0	0,8	0,6
EV/EBITDA	16,5	15,6	13,6	12,0
EV/Sales	1,0	1,2	0,9	0,7
EPS (đồng/cp)	412	591	318	236
BVPS (đồng/cp)	12494	13126	14033	14221

Nguồn: IDI, ABS Research

## Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Trung tâm Phân tích - Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình (ABS). Thông tin trình bày trong báo cáo dựa trên các nguồn được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Các nguồn tin này bao gồm thông tin trên sàn giao dịch chứng khoán hoặc trên thị trường nơi cổ phiếu được phân tích niêm yết, thông tin trên báo cáo được công bố của công ty, thông tin được công bố rộng rãi khác và các thông tin theo nghiên cứu của chúng tôi.

Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư của ABS tham khảo và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo. Các nhà đầu tư nên có các nhận định độc lập về thông tin trong báo cáo, xem xét các mục tiêu đầu tư cá nhân, tình hình tài chính và nhu cầu đầu tư của mình, tham khảo ý kiến tư vấn từ các chuyên gia về các vấn đề quy phạm pháp luật, tài chính, thuế và các khía cạnh khác trước khi tham gia vào bất kỳ giao dịch nào với cổ phiếu của (các) công ty được đề cập trong báo cáo. ABS sẽ không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tổn thất tài chính nào hoặc bất kỳ quyết định nào được thực hiện trên cơ sở thông tin được trình bày trong báo cáo này. Bản báo cáo này là sản phẩm thuộc sở hữu của ABS, người sử dụng không được phép sao chép, chuyển giao, sửa đổi, đăng tải lên các phương tiện truyền thông mà không có sự đồng ý bằng văn bản của ABS.

## Khuyến nghị cổ phiếu

<b>MUA</b>	Khả năng sinh lời của cổ phiếu từ 15% trở lên
<b>KHẢ QUAN</b>	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ 8% đến 15%
<b>TRUNG LẬP</b>	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -5% đến 8%
<b>KÉM KHẢ QUAN</b>	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -15% đến -5%
<b>BÁN</b>	Khả năng sinh lời của cổ phiếu thấp hơn -15%

Khuyến nghị đầu tư được đưa ra dựa trên khả năng sinh lời dự kiến của cổ phiếu, được tính bằng tổng của (i) chênh lệch phần trăm giữa giá mục tiêu và giá thị trường tại thời điểm công bố báo cáo, và (ii) tỷ suất cổ tức dự kiến. Trừ khi được nêu rõ trong báo cáo, các khuyến nghị đầu tư có thời hạn đầu tư là 12 tháng.

## Thông tin liên hệ

### Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình

Trụ sở chính: Tầng 16, tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (024) 3562 4626

Website: [www.abs.vn](http://www.abs.vn)

### Trung tâm Phân tích

Điện thoại: (024) 3562 4626 – Ext: 151

Email: [abs-research@abs.vn](mailto:abs-research@abs.vn)

**Nguyễn Thị Thùy Linh - Giám đốc**

Email: [linh.ngthithuy@abs.vn](mailto:linh.ngthithuy@abs.vn)

**Dầu khí, Điện, Hóa chất**

**Lê Thị Kim Huệ - Phó Giám đốc**

Email: [hue.lethikim@abs.vn](mailto:hue.lethikim@abs.vn)

**PTKT và Chiến lược thị trường**

**Đặng Xuân Lưu – Giám đốc**

Email: [luu.dangxuan@abs.vn](mailto:luu.dangxuan@abs.vn)

**Vĩ mô, Tài chính**

**Nguyễn Xuân Hải - Chuyên viên**

Email: [hai.nguyenxuan@abs.vn](mailto:hai.nguyenxuan@abs.vn)

**Bất động sản, Xây dựng, VLXD**

**Phạm Hồng Trường – Chuyên viên**

Email: [truong.phamhong@abs.vn](mailto:truong.phamhong@abs.vn)

**Hàng và Dịch vụ công nghiệp**

**Nguyễn Thị Kỳ Duyên - Chuyên viên**

Email: [duyen.nguyenthiky@abs.vn](mailto:duyen.nguyenthiky@abs.vn)

**Hàng xuất khẩu, Công nghệ & Viễn thông**

**Bùi Minh Anh - Chuyên viên**

Email: [anh.buiminh@abs.vn](mailto:anh.buiminh@abs.vn)

**Hàng tiêu dùng, Bán lẻ**

**Kiểu Thị Thanh Thư - Chuyên viên**

Email: [thu.kieuthithanh@abs.vn](mailto:thu.kieuthithanh@abs.vn)